

経費支弁書

ĐƠN XIN BẢO LÃNH CHI TRẢ KINH PHÍ

日本国法務大臣 殿 Kính gửi : Bộ trưởng Bộ tư pháp Nhật Bản

【支弁者】Người bảo lãnh

経費支弁者 Họ tên người bảo lãnh chi trả kinh phí _____

住所 Địa chỉ _____

Điện thoại _____ 生年月日 Ngày sinh _____

Năm Tháng Ngày

申請人との関係 Quan hệ với người đăng ký nhập học _____

【申請者】Người đăng ký nhập học

申請者 Họ tên người đăng ký nhập học _____

生年月日 Ngày sinh _____

Năm Tháng Ngày

この度私 _____ (tên người bảo lãnh)は、上記の者が日本国
に入国する際の経費支弁者になりましたので、以下引受け経緯を説明すると共に、記載内容に偽りのな
いことを誓約致します。

Tôi là _____ xin đứng tên làm người bảo lãnh chi trả kinh phí cho người
có ghi tên ở trên khi du học tại Nhật Bản. Tôi xin được giải thích về lý do tôi đứng tên làm người bảo lãnh như dưới
đây và tôi xin cam đoan tất cả những gì tôi ghi đều là sự thật.

記

1. 経費支弁の引受け経緯 Lý do đứng tên làm người bảo lãnh chi trả kinh phí

(申請者の経費支弁を引受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記入)

(Hãy ghi rõ quan hệ với người đăng ký và ghi cụ thể lý do đứng tên làm người bảo lãnh chi trả kinh phí cho người
đăng ký)

2. 経費支弁内容 Nội dung bảo lãnh chi trả kinh phí

私は、上記の者の日本国滞在に伴い、下記のとおり経費を支弁することを誓約します。また、上記の者
が、在留期間更新許可申請を行う際には、送金証明書又は本人名義の預金通帳(送金事実、経費支
弁事実が記載されたもの)の写し等で、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

Tôi xin hứa sẽ chi trả tất cả kinh phí ghi dưới đây cho người có ghi tên ở trên trong suốt quá trình sinh
sống, học tập tại Nhật Bản. Hơn nữa, khi người có ghi tên ở trên làm thủ tục xin gia hạn thời gian cư trú
tại Nhật tôi sẽ cung cấp những giấy tờ cần thiết để xác thực việc tôi đã chi trả kinh phí như bản sao giấy
chứng nhận chuyển tiền, bản sao sổ tiết kiệm đứng tên tôi (có ghi đầy đủ thông tin xác thực việc chuyển
tiền, việc chi trả kinh phí)...

(1) 学 費 Học phí 年間 820,000 円 yên/ 1 năm

(2) 生活費 Chi phí sinh hoạt 月額 _____ 円 yên / 1 tháng

(3) 支弁方法 (送金・振込み等支弁方法を具体的に記入)

Hình thức chi trả (Ghi cụ thể hình thức chi trả ví dụ như chuyển tiền, chuyển khoản.v.v.)

署名日 Ngày ký tên _____

Năm Tháng Ngày

署名 Ký tên _____